

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2025/HC-PT**

Ngày: 20/02/2025

*“v/v khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính và yêu cầu bồi
thường thiệt hại”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trường và bà Đoàn Thị Hương Nhu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2024/TLPT-HC ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2025/QĐXXPT-HC ngày 02 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Như P, sinh năm 1976 và bà Nghiêm Thị T, sinh năm 1989; Điều cư trú tại: Xóm Đ, khu dân cư T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông P: Bà Nghiêm Thị T, sinh năm 1989, nơi cư trú: Xóm Đ, khu dân cư T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương. (Ông P vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bà T có mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn C), huyện C, tỉnh Hải Dương; Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3. Người làm chứng:

3.1. Chị Lê Thị Phương T1, sinh năm 1990; Địa chỉ: KDC L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương;

3.2. Bà Vũ Thị T2, sinh năm 1950; Địa chỉ: Xóm Đ, khu dân cư T, thị trấn

C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị T2: Bà Nghiêm Thị T, sinh năm 1989, nơi cư trú: Xóm Đ, khu dân cư T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

3.3. Ông Lê Văn K, sinh năm 1980;

3.4. Ông Nguyễn Như Ú, sinh năm 1957;

3.5. Ông Lê Văn B, sinh năm 1988;

3.6. Ông Vũ Thạch H, sinh năm 1970;

3.7. Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1965;

3.8. Ông Vũ Bá L, sinh năm 1971;

3.9. Chị Cao Thị Thế Â, sinh năm 1981;

3.10. Ông Vũ Duy T3, sinh năm 1978;

3.11. Ông Vũ Hữu H1, sinh năm 1960;

3.12. Ông Nguyễn Tuấn K1, sinh năm 1953;

3.13. Ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1969;

3.14. Ông Nguyễn Huy S, sinh năm 1966;

3.15. Ông Nguyễn Thọ H2, sinh năm 1969;

Ông K1, ông Ú, ông B, ông H, ông C, ông L, ông A, ông T3, ông H2, ông Tuấn K1, ông Q, ông S, ông H2 đều cư trú tại: KDC T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương;

3.16. Ông Phùng Văn Đ, sinh năm 1984;

3.17. Ông Nguyễn Đức T4, sinh năm 1995;

Ông Đ và ông T4 đều cư trú tại: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương;

3.18. Ông Lê Quý H3, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

3.19. Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương;

3.20. Ông Mai Thế T5, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương;

3.21. Ông Vũ Thạch T6, sinh năm 1975; nơi cư trú: KDC T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương;

3.22. Ông Nguyễn Duy T7, sinh năm 1975; cư trú: KDC K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương;

3.23. Ông Nguyễn Văn T8, sinh năm 1958;

3.24. Anh Nguyễn Văn T9, sinh năm 1982;

Ông T8 và anh T9 đều cư trú tại: Khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

3.25. Anh Đào Văn T10, sinh năm 1985; cư trú tại: Khu A thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa có mặt người làm chứng ông Vũ Duy T3. Bà Lê Thị Phương T1, bà Vũ Thị T2, ông Lê Văn K, ông Nguyễn Như Ú, ông Lê Văn B, ông Vũ Thạch H, ông Nguyễn Đình C, ông Vũ Bá L, chị Cao Thị Thế Â, ông Vũ Hữu H1, ông Nguyễn Tuấn K1, ông Nguyễn Đình Q, ông Nguyễn Huy S, ông Nguyễn Thọ H2, ông Lê Quý H3, ông Mai Thế T5, ông Vũ Thạch T6, ông Nguyễn Duy T7, ông Nguyễn Văn T8, anh Nguyễn Văn T9, ông Đào Văn T10 (vắng mặt, đều có đơn xin xét xử vắng mặt); ông Phùng Văn Đ, ông Nguyễn Đức T4, ông Nguyễn Văn S1 (vắng mặt không có lý do).

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Như P và bà Nghiêm Thị T - Là người khởi kiện. (Ông P vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bà T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, người khởi kiện là ông Nguyễn Như P và bà Nghiêm Thị T trình bày: Ngày 12/12/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T và 13 người khác đến phá tài sản là 02 trụ cổng và tường rào do ông bà xây dựng tại xóm Đ, thôn T, xã T nhưng không có văn bản thông báo trước và không ban hành quyết định trước khi phá tài sản, không thực hiện đúng theo trình tự thủ tục của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Ngày 12/3/2024, ông bà đã xây dựng lại 02 trụ cổng và tường rào (trong đó có 01 trụ cổng được gắn thêm cột điện bên trong lõi) tại vị trí lối đi vào thửa đất số 50, tờ bản đồ số 21 của ông Nguyễn Như P; nguồn tiền bỏ ra xây dựng là của ông bà. Vừa xây dựng xong phần thô, chưa lắp cổng thì có khoảng 07 người gồm ông Vũ Thạch T6 (Cán bộ tư pháp xã); ông Vũ Duy T3 (Cán bộ địa chính xã); ông Mai Thế T5 (Phó Công an xã); ông Vũ Hữu H1 (Cán bộ thôn T); ông Lê Quý H3 (Công chức văn hoá thông tin) và hai người nữa đến yêu cầu ông bà phải tháo dỡ 02 trụ cổng, tường rào và đường bê tông đã đổ rộng 5m, dài 18m; ông bà không đồng ý tháo dỡ thì họ lập biên bản nhưng ông P không ký biên bản vì từ khi ông bà tập kết nguyên vật liệu xây lần 2 thì thôn và UBND xã không ai đến nhắc nhở hay yêu cầu ông bà phải dừng việc xây dựng. Ngày 21/3/2024 có 01 cán bộ xã mang Quyết định số 62/QĐ-XPHC ngày 19/3/2024 do Chủ tịch UBND xã T ban hành đến giao cho ông P, với nội dung xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Ông P đã nhận nhưng không ký biên bản giao. Sau đó ông P làm đơn gửi các cấp các ngành; đơn gửi đều có tiêu đề Đơn tố cáo. Ngày 02/4/2024, Chủ tịch UBND huyện C trực tiếp làm việc với bà, sau đó Chủ tịch UBND huyện đã có văn bản giải quyết đơn tố cáo của bà, trong văn bản có nội dung: “*Giao cho Chủ tịch UBND xã T phối hợp với Điện lực Cẩm Giàng nghiên cứu vị trí đặt cột điện cho phù hợp đảm bảo an toàn trong khi sử dụng cho công dân đúng theo quy định của pháp luật; chỉ đạo cơ sở thôn yêu cầu các hộ dân trong thôn không được đổ phương*

tiện trên đoạn ngõ gây cản trở giao thông đối với gia đình bà Nghiêm Thị T. Giao cho gia đình bà Nghiêm Thị T, đoạn đường gia đình bà đã đổ bê tông thì giữ nguyên hiện trạng”. Trong Văn bản này, Chủ tịch huyện không xử phạt và không yêu cầu ông bà phải tháo dỡ tài sản. Trong các ngày 01/4/2024, 05/4/2024 và 09/4/2024, Chủ tịch UBND xã T ban hành 03 Thông báo số 17, 19 và 20 về việc ông Nguyễn Như P phải tự khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra. Sau khi nhận được các thông báo trên, ông bà đều có Đơn tố cáo gửi lên Chủ tịch UBND huyện C, trong đơn ông bà yêu cầu giải quyết việc cưỡng chế, phá hoại tài sản không đúng trình tự; yêu cầu giải quyết dứt điểm và trả lời rõ ràng ông bà xây như vậy là đúng hay sai theo quy định của pháp luật. Sau đó Chủ tịch UBND huyện chỉ có phiếu chuyển đơn kiến nghị phản ánh về xã T yêu cầu Chủ tịch UBND xã T xem xét giải quyết. Tuy nhiên Chủ tịch UBND xã T không có văn bản trả lời cho ông bà và tiếp tục ban hành Quyết định số 73/QĐ-CCXP ngày 15/4/2024 (viết tắt QĐ số 73) về cưỡng chế vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt có nội dung đổ oan cho ông Nguyễn Như P tự ý xây dựng trụ cổng, tường rào trong phạm vi đất dành cho đường bộ, đường sắt tại khu dân cư xóm Đ, nhưng thực tế tại vị trí ông P xây dựng này là đường riêng, là lối đi thuộc đất của gia đình ông bà đã sử dụng từ năm 1982 đến nay. Do vậy, ông bà khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết các yêu cầu sau:

1. Huỷ Quyết định số 73/QĐ-CCXP ngày 15/4/2024 của Chủ tịch UBND xã T và buộc Chủ tịch UBND xã T phải tự mình khắc phục hậu quả. Quá trình thu thập chứng cứ, người khởi kiện đã rút bỏ đoạn “*và buộc Chủ tịch UBND xã T phải tự mình khắc phục hậu quả*”.

2. Tuyên bố hành vi phá 2 trụ cổng (kích thước 45cm*45cm*3m) và tường rào (dài 3m, cao 2,5m) của gia đình ông P xảy ra ngày 12/12/2023 là trái pháp luật.

3. Yêu cầu Chủ tịch UBND xã T phải bồi thường cho ông bà thiệt hại giá trị 2 trụ cổng, tường rào đã bị phá, tổng thiệt hại là 11.500.000đồng.

4. Yêu cầu Chủ tịch UBND xã T và các cấp hữu quan phải có công văn khắc phục hậu quả bằng văn bản để tạo điều kiện cho gia đình ông P có lối đi riêng trên thửa đất số 50, tờ bản đồ số 21, diện tích 352,6m², cụ thể phải để ông P làm lại tường rào và hai trụ cổng, cột điện, cổng khoá để đảm bảo an ninh trong lối đi riêng của gia đình và ổn định sản xuất.

5. Yêu cầu Toà án có văn bản đề nghị, Bản án gửi đến các cấp thẩm quyền của Đảng và Nhà nước để xử lý những vi phạm nghiêm trọng đối với những điều Đảng viên không được làm của Chủ tịch UBND xã T và những cá nhân liên quan. Quá trình thu thập chứng cứ, người khởi kiện đã rút bỏ đoạn “*và những cá nhân liên quan*”.

6. Yêu cầu huỷ Quyết định số 62/QĐ-XPHC ngày 19/03/2024 của Chủ tịch UBND xã T và yêu cầu Chủ tịch UBND xã T phải xin lỗi công khai trên thông tin đại chúng.

Tại Bản tự khai và biên bản lấy lời khai, người bị kiện trình bày: Ngày 07/10/2023, UBND xã T nhận được Đơn đề nghị của ông Nguyễn Tuấn K1 cư trú tại xóm Đ, thôn T về việc anh P (con trai bà T2) không cho ông vào thấp hương khu mộ nhiều đời của gia đình ông. Sau khi xem xét hồ sơ địa chính, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà T2 và thực địa, UBND xã ban hành Thông báo số 85/TB-UBND ngày 24/10/2023 trả lời ông K1. Đồng thời gửi cho hộ gia đình bà T2 Thông báo số 86/TB-UBND ngày 24/10/2023 có nội dung: “*Gia đình ông Nguyễn Tuấn K1 có ngôi mộ ở khu A, vị trí ngôi mộ gần đường đi vào thổ đất ở của gia đình bà Vũ Thị T2. Đường đi vào thổ đất nhà bà T2 do UBND xã quản lý, không cấp riêng cho bất kỳ hộ gia đình nào, tất cả công dân có quyền đi trên đoạn đường đó*”. Ngày 26/10/2023, UBND xã T nhận được Đơn kiến nghị của bà Nghiêm Thị T (bà T được bà T2 ủy quyền). Sau khi nhận đơn, UBND xã đã làm việc với bà T vào ngày 27/11/2023, nội dung đã được làm rõ và kết luận: “*Gia đình ông P, bà T2 có quyền sử dụng đất theo diện tích đã được Nhà nước cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn con đường đi vào thửa đất của gia đình ông P, bà T2, đồng thời đi vào khu mộ của gia đình ông Nguyễn Tuấn K1 (gần thổ đất gia đình ông P, bà T2) là đất công, thuộc quyền quản lý của UBND xã T, bất kỳ các hoạt động ảnh hưởng vi phạm liên quan tới con đường do UBND xã quản lý, UBND xã sẽ xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật*”. Biên bản làm việc được bà T ký xác nhận nhưng đến ngày 11/12/2023, Tổ giúp việc Ban chỉ đạo xử lý vi phạm đất đai xã T phát hiện ông P vẫn đào móng, tập kết nguyên vật liệu để xây dựng trên con đường đi là đất công do UBND xã quản lý, UBND xã T đã ban hành ngay Thông báo số 104^a/TB-UBND ngày 11/12/2023 yêu cầu ông P không được xây dựng trên đất dành cho đường bộ, nếu hộ ông P cố tình xây dựng, UBND xã tiến hành ngăn chặn hành vi vi phạm; thông báo này ông P đã nhận nhưng không ký biên bản. Chiều ngày 12/12/2023, nhận được tin hộ ông P đang xây dựng trái phép, Chủ tịch UBND xã và Đại diện các ban ngành đoàn thể đã đến gia đình yêu cầu ông P dừng xây và tự tháo dỡ phần đã xây. Lúc đầu ông P chưa đồng ý, sau khi được đại diện các ban ngành đoàn thể gặp gỡ riêng và vận động thì ông P đã thiện chí để đoàn hỗ trợ cùng gia đình tháo dỡ vài hàng gạch, rồi mọi người dừng lại để gia đình tự tháo dỡ tiếp nên không lập biên bản. Tổ tuyên truyền của xã đã nhiều lần gặp gỡ, ngăn chặn việc gia đình xây dựng trái phép trên đất công nhưng ông P vẫn tiếp tục xây dựng, đó là lỗi của gia đình ông P. Hộ ông P biết rõ lối đi vào thửa đất của ông không nằm trong sổ đỏ nhà ông nhưng vẫn cố tình xây dựng. Nếu ông P không thiện chí để mọi người hỗ trợ tháo dỡ thì không ai

có thể tháo dỡ được. Nay hộ ông P khai Chủ tịch xã chỉ đạo lực lượng phá dỡ và việc phá dỡ làm thiệt hại về tài sản của gia đình ông là không đúng; người bị kiện không đồng ý yêu cầu bồi thường giá trị nguyên vật liệu và tiền công như người khởi kiện yêu cầu.

Sáng ngày 15/3/2024, nghe tin báo về việc hộ ông P tiếp tục xây lại 02 trụ cổng và đoạn tường bao, Tổ tuyên truyền xử lý vi phạm của xã xuống hiện trường yêu cầu hộ ông P dừng ngay vi phạm và phải tự tháo dỡ hai trụ cổng và đoạn tường bao nhưng ông P, bà T không đồng ý và không thiện chí để mọi người hỗ trợ tháo dỡ; do vậy Tổ tuyên truyền xử lý vi phạm đã lập Biên bản về việc vi phạm hành chính nhưng ông P không ký biên bản. Sau đó tổ tuyên truyền vẫn đến gia đình vận động tự tháo dỡ nhưng gia đình không chấp hành. Ngày 19/3/2024, Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định số 62 về xử phạt vi phạm hành chính. Đối chiếu với quy định tại Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính thì việc Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định số 62 là đúng trong thời hạn ban hành và phù hợp với nội dung vi phạm tại Biên bản xử phạt vi phạm hành chính ngày 15/3/2024. Hình thức và nội dung của Quyết định số 62 đều đảm bảo theo quy định của pháp luật. Lỗi vi phạm của hộ ông P là có cơ sở, thể hiện tại Biên bản vi phạm hành chính ngày 15/3/2024; việc người khởi kiện yêu cầu Chủ tịch xã T phải xin lỗi công khai trên truyền thông đại chúng là không có căn cứ chấp nhận. Sau khi nhận Quyết định số 62, hộ ông P không thực hiện việc tự tháo dỡ công trình xây dựng trái phép mặc dù đã được UBND xã nhiều lần đơn đốc bằng các Thông báo số 17, 19, 20 vào các ngày 01/4/2024, 05/4/2024, 09/4/2024. Ngày 15/4/2024, Tổ tuyên truyền xử lý vi phạm của UBND xã đã đi kiểm tra và thấy hộ ông P vẫn chưa khắc phục hậu quả, do vậy cùng ngày Chủ tịch UBND xã T đã ban hành Quyết định số 73/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với hộ ông P. Ngày 08/5/2024, 15/5/2024, 21/5/2024 Chủ tịch UBND xã T tiếp tục ra Thông báo số 29, 31, 34 về việc hộ ông P nộp tiền phạt và tự khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra. Tất cả các Thông báo đều được gửi hoặc giao trực tiếp cho hộ ông P. Việc ban hành Quyết định số 73 đảm bảo về thời hạn theo quy định tại Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính; về nội dung phù hợp với quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi bổ sung năm 2020); Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 62/QĐ-XPVPHC ngày 19/3/2024 của Chủ tịch UBND xã T về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông, đường bộ và đường sắt; thẩm quyền ban hành Quyết định số 73 ngày 15/4/2024 đã đảm bảo theo Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 sửa đổi bởi điểm b, k khoản 73 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi 2020. Người bị kiện không nhất trí yêu cầu huỷ Quyết định số 73

của người khởi kiện. Đối với các yêu cầu khác của người khởi kiện là không có căn cứ, người bị kiện không nhất trí và tự nguyện chịu cả tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những người làm chứng là chị Cao Thị Thế Á, ông Lê Văn B, ông Phùng Văn Đ, ông Vũ Thạch H, ông Vũ Hữu H1, ông Lê Văn K, ông Lê Quý H3; ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Huy S, ông Vũ Thạch T6, ông Nguyễn Đức T4, bà Lê Thị Phương T1, ông Vũ Duy T3, ông Mai Thế T5, ông Nguyễn Như Ú, ông Nguyễn Duy T7 đều trình bày: Chiều ngày 12/12/2023, sau khi nhận được tin hộ ông P xây dựng công trình trái phép trên đất công, tổ tuyên truyền của xã T do Chủ tịch xã T là trưởng đoàn đã có mặt tại hiện trường gặp trực tiếp ông P thông báo về việc gia đình đang xây dựng trái phép, yêu cầu gia đình dừng xây dựng và tự tháo dỡ phần đã xây. Lúc đầu ông P không đồng ý, sau khi được mọi người phân tích, vận động thì ông P đã thiện chí tháo dỡ và nhờ mọi người cùng hỗ trợ gia đình tháo dỡ.

Những người làm chứng là anh Nguyễn Văn T9, anh Đào Văn T10 trình bày: Vào buổi chiều ngày cuối năm 2023 các anh đến xóm Đ xem bóc cô T5. Đến đầu ngõ thấy đông người, các anh tò mò đi vào và nghe thấy mọi người vận động ông chủ nhà, sau đó các anh mới biết chủ nhà là ông P xây trái phép. Lúc đầu ông P không đồng ý tháo dỡ; được nhiều người phân tích, vận động thì ông P đã thiện chí và có nhờ mọi người hỗ trợ tháo dỡ. Ngay lúc đó có người của xã cầm gạch đập vào trụ cổng thì anh lấy xà beng ngay tại chỗ xia vài nhát; khi thấy người kia dừng thì anh cũng dừng, những người của xã đi về, sau khoảng 5-10 phút hai anh cũng đi về.

Người làm chứng là ông Nguyễn Thọ H2 trình bày: Chiều ngày 12/12/2023, sau khi nhận được tin hộ ông P xây dựng công trình trái phép trên đất công, ông trong tổ tuyên truyền của xã T do Chủ tịch xã T là trưởng đoàn đã có mặt tại hiện trường gặp trực tiếp ông P thông báo về việc gia đình đang xây dựng trái phép, yêu cầu gia đình dừng xây dựng và tự tháo dỡ phần đã xây. Lúc đầu ông P không đồng ý, sau khi được mọi người phân tích, vận động thì ông P thiện chí nói “nếu có sai thì phá”, ông P hoàn toàn vui vẻ nhờ mọi người xung quanh vào tháo dỡ, thấy ông P hoàn toàn thiện chí nên ông là người nhà ông P cũng hỗ trợ bằng cách cầm viên gạch đập vào trụ cổng, vì mới xây nên xi trụ cổng vẫn mềm nhưng mọi người chỉ tháo dỡ vài hàng gạch rồi dừng lại để gia đình tự tháo dỡ tiếp.

Những người làm chứng là ông Vũ Bá L, ông Nguyễn Đình C (thợ xây) trình bày: Chiều ngày 11/12/2023, khi các ông đang xây thì có người của xã đến nhắc nhở và yêu cầu ông P dừng xây dựng, tháo dỡ phần đã xây. Ông P bảo các ông không xây nữa nên không bị lập biên bản. Sau khoảng 5-10 phút ông P bảo các ông tiếp tục xây. Ngày 12/12/2023, khi các ông đang chát Chủ tịch xã T và

nhieu người đến thì các ông dừng lại, mọi người đến không mang theo dụng cụ gì. Sau đó các ông nghe thấy Chủ tịch xã nói ông P đang vi phạm xây dựng trên đất hành lang giao thông, yêu cầu gia đình dừng xây, tự tháo dỡ, lúc đầu ông P chưa đồng ý nhưng sau đó được mọi người vận động ông P đã đồng ý cho tháo dỡ. Thấy sự việc như vậy các ông vào bên trong nhà uống nước. Mọi việc ngoài cổng sau đó như thế nào các ông không biết. Đầu năm 2024 ông P nhờ 1 mình ông L đến xây vá lại vào hai trụ cổng và đoạn tường bao tháng 12/2023 đang tháo dỡ dỡ; xây vá lại hết khoảng 100-200 viên gạch chỉ, sau đó chất hoàn thiện như bây giờ.

Những người làm chứng là ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị T11, ông Vũ Đăng D1, ông Nguyễn Bá T12 trình bày: Nhà ông đối diện ngõ đi vào thửa đất của gia đình ông P, hai nhà không có họ hàng hay mâu thuẫn gì. Ông không nhớ cụ thể thời gian nhưng vào 1 ngày tháng 12/2023 ông đứng trong sân nhìn ra ngoài đường xóm thấy có đông người ngoài cổng nên đã đi ra cổng thì ông thấy có mấy đồng chí công an đứng ngoài đường, bên trong ngõ đi vào thửa đất nhà ông P có nhiều người của xã, có mặt ông P và mấy người thợ xây cho ông P. Mọi người đứng nói chuyện gì cười mở vui vẻ, còn họ nói chuyện gì ông không biết, sau đó ông vào nhà làm việc của gia đình, mọi việc bên nhà ông P như thế nào ông không biết. Ông không chứng kiến và không biết có việc tháo dỡ hay không tháo dỡ trụ cổng tường bao vì trước đó ông P và thợ xây vẫn đang xây, họ làm đến đâu thì ông không biết. Do thời gian lâu rồi ông không nhớ tên ai có mặt ở đó.

Người làm chứng là bà Vũ Thị T2 trình bày: Gia đình bà sử dụng thửa đất số 50 tại xóm Đ, thôn T từ xa xưa và con đường đất không nằm sổ đỏ của gia đình. Trước đây gia đình bà đã xây 02 trụ cổng và lắp 02 cánh cổng ở đoạn đầu ngõ. Khoảng 17 năm bà sang ở với con gái nên nhà đất ở thửa số 50 hàng ngày đóng cửa, chỉ tuần rằm mùng 1 bà mới về thắp hương. Đến năm 2023 gia đình bà làm thủ tục sang tên thửa đất số 50 cho ông P và ông P được cấp sổ đỏ luôn, ông P cải tạo, xây dựng trên thửa đất như thế nào bà không biết. Toàn bộ sự việc ngày 12/12/2023 và những ngày tiếp theo sau đó đến bây giờ do thời gian đã lâu nên bà không nhớ, bà có mặt ở đó hay không bà cũng không nhớ.

Người làm chứng là ông Nguyễn Tuấn K1 trình bày: Họ nhà ông có ngôi mộ cụ Ngũ Đ1 ở khu T ao đình từ nhiều đời. Khi vợ chồng bà T2 ở đó thì nội tộc họ hàng nhà ông được đi lại vào ngôi mộ hương khói. Khoảng 16-17 năm nay bà T2 giao thửa đất cho anh P nên họ hàng nhà ông không vào thắp hương mộ cụ Ngũ Đ1 được, mỗi khi muốn vào thắp hương là phải trèo tường. Toàn bộ con đường đất từ đường thôn đi vào ao đình trên các bản đồ đều là lối đi chung. Từ năm 2023 ông P đổ bê tông lên con đường đất là lối đi chung và ngăn cản không cho gia đình ông vào ngôi mộ thắp hương, gia đình ông P cho rằng toàn

bộ con đường đi từ đường thôn vào trong thửa đất của gia đình ông P là lối đi riêng, thuộc quyền sử dụng riêng của nhà ông P. Nay ông mong muốn xác định rõ lối đi chung thì ông P không được phép ngăn cản gia đình ông vào thấp hương mộ cụ Ngũ Đ1 của dòng họ nhà ông.

Người làm chứng là ông Nguyễn Đình Q trình bày: Tháng 8/2023 ông P bà T5 thuê ông đào móng, xây các công trình trên thửa đất số 50; đến đầu tháng 12/2023 ông P bà T5 thuê ông đào chân móng để xây trụ cổng tại vị trí đầu đường xóm đi vào thửa đất ông P. Ông được thuê đào chân móng trụ cổng 02 ngày, ngày nào ông không nhớ nhưng đào xong ngày nào trả tiền ngày đấy, tiền công là 480.000đ/công. Trong 02 ngày đào móng ở đầu đường xóm, ông không gặp ai là người của xã đi kiểm tra, không có thợ xây nào làm cùng ông. Quá trình làm cho ông P có ông Đ1 làm phụ giúp ông nửa ngày. Ông không biết vị trí đất ông đào là đất của ai hay đất công. Gia đình ông P thuê ông làm việc gì thì ông làm việc đó, xong hết ngày thì bà T5 trả tiền.

Tại biên bản xác minh, Công an xã T cung cấp: Qua rà soát nhân khẩu trên địa bàn xã T, không có công dân có họ và tên là Trịnh Ngọc T13 (thôn K, xã T) và Nguyễn Đình H4 (xóm T, thôn T).

Tại Công văn số 114/CV-TNMT ngày 25/7/2024, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện C cung cấp:

- Theo thông tin sử dụng đất của hộ gia đình:

+ Thời kỳ bản đồ lập theo Chi thị 299, hộ gia đình sử dụng thửa đất số 341, diện tích 300 m², loại đất T, tờ bản đồ hiện bị rách nát chưa xác định lại rõ. Sổ mục kê xã không còn lưu trữ được. Trên bản đồ thể hiện lối đi chung ở phía Bắc thửa đất của hộ gia đình.

+ Bản đồ đo đạc thời điểm năm 1993, hộ gia đình sử dụng thửa đất số 163, tờ số 02, diện tích 359m², loại đất T. Trên bản đồ thể hiện lối đi chung ở phía Nam thửa đất, tiếp giáp thửa số 164, diện tích 146m², loại đất Ao.

+ Ngày 29/11/1995 hộ gia đình được cấp GCNQSD đất ghi chủ sử dụng Nguyễn Thị T14 với thửa đất số 163, tờ số 02, diện tích 359m² (trong đó: đất ở 300m², đất cây lâu năm 50 năm: 43 m², đất cây lâu năm hợp pháp lâu dài: 16m²). Thửa đất được cấp trên cơ sở bản đồ đo đạc năm 1993, không có phần lối đi chung nằm trong thửa đất của gia đình.

+ Ngày 23/01/2024, hộ gia đình được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cấp đổi GCNQSD đất, ghi chủ sử dụng Vũ Thị T2, số phát hành DN 124427, thửa số 50, tờ bản đồ số 21, diện tích là 352,60m² (trong đó đất ở nông thôn 300 m², đất trồng cây lâu năm 52,60m²) trên giấy chứng nhận QSD đất không có phần lối đi thể hiện là đất của gia đình. (Thửa đất được đo đạc lại

và cập nhật theo Hệ tọa độ VN2000 chính quy).

Do vậy, xác định con đường đất mòn hộ đang sử dụng không phải là đất của hộ gia đình; đường giao thông sử dụng chung của tập thể, UBND xã T là đơn vị quản lý. Việc công dân xây dựng trên diện tích đất giao thông là vi phạm đất đai, vi phạm về giao thông.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo vẽ ngày 06/7/2024 thể hiện: Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 21 tại xóm Đ, thôn T, xã T có vị trí: Cạnh đất phía Nam giáp lối đi ra đường trục của thôn và giáp ao; Cạnh đất phía Tây giáp ao; Cạnh đất phía Bắc giáp cạnh đất của bà Vũ Thị X và cạnh đất của hộ anh Nguyễn Huy S; Cạnh đất phía Đông giáp cạnh đất của ông Vũ Hữu C1; diện tích, kích thước các cạnh của thửa đất có sơ đồ đo vẽ kèm theo. Ông P, bà T5 và các hộ liền kề xác định ranh giới, mốc giới không có tranh chấp.

Lối đi từ thửa đất số 50, tờ bản đồ số 21 ra đường trục chính của thôn T được đổ bê tông tháng 03/2024, độ dày 15 phân (do bà T5 trình bày). Kích thước lối đi bê tông và diện tích có sơ đồ kèm theo.

Có 2 trụ cổng xây giáp đường trục thôn (Trụ cổng trái: đã trát, bà T5 trình bày trụ cổng này xây lại lần hai vào tháng 3/2024) kích thước 43x43x2,1. Phía trên có gắn cột bê tông kích thước 1,6x13x13 xây tháng 08/2023. Trên đầu cột bê tông có nối đầu dây điện chạy vào trong thửa đất. Giáp trụ cổng là một đoạn tường bao gấp khúc đã trát, xây tháng 03/2024. Kích thước cao 1,6m; dài 02 đoạn bằng 2,2m; Trụ cổng phải trát 03 mặt, 01 mặt chưa trát kích thước 43x43x2,1; bà T5 trình bày trụ cổng này xây lại lần 2 vào tháng 3/2024. Phía trên không gắn cột bê tông, trên trụ có nối đầu dây điện chạy vào trong thửa đất. Tiếp giáp trụ cổng là 01 đoạn tường bao mới cao 1,6m dài 80cm, bà T5 trình bày xây tháng 3/2024. Giáp trụ cổng là 01 trụ cổng cũ xây gạch chỉ vào năm 1980 KT 32x32x1,6 và 01 đoạn tường bao cũ xây gạch chỉ 20 kích thước cao 1,6m, dài 1,1m. Bà T5 trình bày của năm 2023, gia đình bà bị phá hai trụ cổng xây lần 1 cao 2,7m (bằng chiều cao trụ cổng hiện tại cộng 60cm); bị phá tường rào cao 2,4m (bằng chiều cao tường rào mới 1,6m cộng 80cm), dài 2,19m xây tường 10. 02 trụ cổng bị phá cuối năm 2023 có kích thước 43x43x2,7m.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 348, khoản 1 Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Luật Đất đai; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Bác yêu cầu của người khởi kiện (ông Nguyễn Như P và bà Nghiêm

Thị T) về các nội dung sau:

- Huỷ Quyết định số 62/QĐ-XPHC ngày 19/03/2024 của Chủ tịch UBND xã T về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

- Huỷ Quyết định số 73/QĐ-CCXP ngày 15/4/2024 của Chủ tịch UBND xã T về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với hộ ông Nguyễn Như P - thôn T.

- Tuyên bố hành vi phá 2 trụ cổng (45cm*45cm*3m) và tường rào (dài 3m, cao 2,5m) của Chủ tịch UBND xã T đối với gia đình ông Nguyễn Như P xảy ra ngày 12/12/2023 là trái pháp luật.

- Yêu cầu Chủ tịch UBND xã T phải bồi thường cho ông bà thiệt hại giá trị 2 trụ cổng, tường rào đã bị phá tổng là 13.300.000đ.

- Yêu cầu Tòa án có văn bản đề nghị, Bản án gửi đến các cấp thẩm quyền của Đảng và Nhà nước để xử lý những vi phạm nghiêm trọng đối với những điều Đảng viên không được làm của Chủ tịch UBND xã T.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của người khởi kiện về các nội dung sau:

- Buộc Chủ tịch UBND xã T phải xin lỗi công khai trên thông tin đại chúng.

- Buộc Chủ tịch UBND xã T phải tự mình khắc phục hậu quả.

- Yêu cầu Chủ tịch UBND xã T và các cấp hữu quan phải có công văn khắc phục hậu quả bằng văn bản để tạo điều kiện cho gia đình ông P có lối đi riêng nơi sinh sống trên thửa đất số 50, tờ bản đồ số 21, diện tích 352,6m² cụ thể là phải để ông P làm lại tường rào và hai trụ cổng, và cột điện, cổng khoá để đảm bảo an ninh trong lối đi riêng của gia đình và ổn định sản xuất, vì không thuộc thẩm quyền.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu “*và những cá nhân liên quan*”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2024, người khởi kiện là ông Nguyễn Như P và bà Nghiêm Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do tại buổi xét xử công khai, người khởi kiện không được đối thoại trực tiếp với người làm chứng và những người có liên quan trong vụ án vì những người này khai không đúng sự thật; Video lưu trong USB cung cấp cho Tòa án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tại phiên tòa; Tòa án không tiến hành trưng cầu giám định chứng cứ bị tố cáo là giả mạo; không tiến hành thẩm định, định giá tài sản.

Tại phiên tòa:

Tại phần hỏi và trình bày tại phiên tòa:

Người kháng cáo là bà Nghiêm Thị T (đồng thời là người đại diện theo ủy

quyền của ông Nguyễn Như P) trình bày: Người khởi kiện giữ nguyên toàn bộ nội dung kháng cáo và các căn cứ chứng minh như tại đơn kháng cáo ngày 02/10/2024, đơn xin trình bày bổ sung tình tiết trong vụ án ngày 16/12/2024 và Biên bản lấy lời khai ngày 30/12/2024; đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bị kiện trình bày: Không nhất trí với toàn bộ nội dung kháng cáo của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng .

Tại phần tranh luận:

- Bà Nghiêm Thị T (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Như P) trình bày: Người khởi kiện tự nguyện xin rút 02 yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo là tuyên bố hành vi phá 02 trụ cổng (45cm*45cm*3m) và tường rào (dài 3m, cao 2,5m) của Chủ tịch UBND xã T đối với gia đình ông Nguyễn Như P xảy ra ngày 12/12/2023 là trái pháp luật; yêu cầu Chủ tịch UBND xã T phải bồi thường cho ông bà thiệt hại giá trị 02 trụ cổng, tường rào đã bị phá tổng là 13.300.000đồng. Giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện còn lại theo đơn khởi kiện; đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Người bị kiện trình bày: Nhất trí việc rút yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo như bà T trình bày. Không nhất trí với các nội dung kháng cáo và khởi kiện còn lại của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng . Tuy nhiên, sau đó người bị kiện thay đổi ý kiến, không nhất trí với việc rút 02 yêu cầu khởi kiện nêu trên của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 234; khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

1. Đình chỉ với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Như P và bà Nghiêm Thị T về các nội dung:

- Tuyên bố hành vi phá 2 trụ cổng (45cm*45cm*3m) và tường rào (dài 3m, cao 2,5m) của Chủ tịch UBND xã T đối với gia đình ông Nguyễn Như P

xảy ra ngày 12/12/2023 là trái pháp luật.

- Yêu cầu Chủ tịch UBND xã T phải bồi thường cho ông bà thiệt hại giá trị 2 trụ cổng, tường rào đã bị phá tổng là 13.300.000đồng.

2. Bác các yêu cầu kháng cáo còn lại của ông Nguyễn Như P và bà Nghiêm Thị T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Như P và bà Nghiêm Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của đương sự, của người tham gia tố tụng khác, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Kháng cáo của ông Nguyễn Như P, bà Nghiêm Thị T trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Về đối tượng khởi kiện: Ông Nguyễn Như P, bà Nghiêm Thị T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 62/QĐ-XPHC ngày 19/03/2024; Quyết định số 73/QĐ-CCXP ngày 15/4/2024 của Chủ tịch UBND xã T; tuyên hành vi chỉ đạo phá dỡ của Chủ tịch UBND xã T, huyện C đối với 2 trụ cổng, tường bao do ông bà xây dựng là trái pháp luật. Đây là quyết định hành chính, hành vi hành chính do người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước ban hành và thực hiện, đã xâm phạm đến quyền lợi của người khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng xác định đối tượng khởi kiện là quyết định hành chính, hành vi hành chính là đúng quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 3 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 31 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 17/4/2024, bà T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính. Do đó, Hội đồng xét xử xác định việc khởi kiện của ông P, bà T là còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.5] Về việc xác định người bị kiện: Bà Nghiêm Thị T yêu cầu ghi rõ tên người bị kiện là ông Nguyễn Mạnh D2 - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã T (nay là thị trấn C). Hội đồng xét xử xét thấy, ông Nguyễn Mạnh D2 thực hiện nhiệm vụ công vụ với tư cách là người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước; không thực

hiện nhiệm vụ công vụ với tư cách cá nhân. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, Hội đồng xét xử xác định Chủ tịch UBND thị trấn C, huyện C là người bị kiện.

[1.6] Đối với yêu cầu của bà T đề nghị trình chiếu USB ghi lại sự việc xảy ra vào ngày 12/12/2023 tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nghiêm Thị T đã in những hình ảnh có trong USB gửi cho Tòa án. Tòa án đã làm việc với Chủ tịch UBND xã T và tại phiên tòa, ông Nguyễn Mạnh D2 đã thừa nhận những hình ảnh trong USB do bà T giao nộp là đúng diễn biến sự việc và người có mặt tại buổi làm việc ngày 12/12/2023. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải trình chiếu USB tại phiên tòa như đề nghị của bà T.

[1.7] Đối với yêu cầu của bà T đề nghị công bố lịch xét xử trên cổng thông tin điện tử của Tòa án và trên các phương tiện thông tin đại chúng: Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Tòa án đã thực hiện việc gửi quyết định cho các đương sự và đã công bố công khai lịch xét xử trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Luật Tổ tụng hành chính không quy định Tòa án phải công bố lịch xét xử trên báo, đài hoặc loa truyền thanh của UBND thị trấn C, do vậy đề nghị này của bà T là không có cơ sở chấp nhận.

[1.8] Tại phiên tòa, những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, một số người có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy những người làm chứng đã có lời khai chi tiết trong hồ sơ vụ án và đã được Hội đồng xét xử công bố lời khai tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng là đúng theo quy định tại Điều 159 của Luật Tổ tụng hành chính.

[1.9] Tại phiên tòa, người kháng cáo là bà Nghiêm Thị T (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Như P) tự nguyện xin rút 02 yêu cầu khởi kiện và kháng cáo là tuyên bố hành vi phá 02 trụ cổng (45cm*45cm*3m) và tường rào (dài 3m, cao 2,5m) của Chủ tịch UBND xã T đối với gia đình ông Nguyễn Như P xảy ra ngày 12/12/2023 là trái pháp luật; yêu cầu Chủ tịch UBND xã T phải bồi thường cho ông bà thiệt hại giá trị 02 trụ cổng, tường rào đã bị phá tổng là 13.300.000đ. Người bị kiện không đồng ý với việc rút một phần đơn khởi kiện của người khởi kiện, do vậy căn cứ điểm a khoản 1 Điều 234 của Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút một phần đơn khởi kiện của người khởi kiện. Còn việc rút kháng cáo đối với 02 nội dung trên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 229 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Như P, bà Nghiêm Thị T thì thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 62/QĐ-XPHC ngày 19/03/2024

của Chủ tịch UBND xã T về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (gọi tắt là Quyết định số 62):

Về trình tự thủ tục và thẩm quyền: Tháng 12 năm 2023, Ban chỉ đạo xử lý vi phạm đất đai xã T phát hiện ông P xây dựng công trình trên đất công do U; mặc dù đã được nhắc nhở nhiều lần nhưng đến ngày 15/3/2024 ông P vẫn tiếp tục xây dựng 02 trụ cổng và tường rào, Tổ giúp việc Ban chỉ đạo xử lý vi phạm đất đai xã T đã lập Biên bản hiện trạng và Biên bản vi phạm hành chính đối với ông P. Ngày 19/3/2024, Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định số 62/QĐ-XPHC ngày 19/03/2024 về việc xử phạt hành chính. Căn cứ vào khoản 1 Điều 38; Điều 57 Luật xử lý vi phạm hành chính, Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định số 62 là đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ địa chính qua các thời kỳ thì thấy: Theo bản đồ 299 thể hiện có lối đi chung ở phía Bắc thửa đất của bà T2. Bản đồ năm 1993 thể hiện lối đi chung nhưng ở phía Nam thửa đất của bà T2, tiếp giáp thửa đất ao số 164. Ngày 29/11/1995, hộ bà T2 được cấp GCNQSD thửa đất số 163, tờ số 02, diện tích 359m². Thửa đất được cấp trên cơ sở bản đồ đo đạc năm 1993, phần lối đi chung không nằm trong diện tích đất gia đình được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 23/01/2024, hộ gia đình bà T2 được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 50, tờ bản đồ số 21, diện tích là 352,6m² (*trong đó đất ở nông thôn 300m², đất trồng cây lâu năm 52,6m²*), trên giấy chứng nhận có thể hiện con đường đi vào thửa đất của gia đình bà T2, tuy nhiên lối đi này không nằm trong diện tích đất gia đình bà T2 được cấp giấy chứng nhận. Phòng Tài nguyên và môi trường huyện C xác định con đường này không phải là đất của gia đình bà T2, ông P mà là đường giao thông sử dụng chung của tập thể, UBND xã T là đơn vị quản lý.

Như vậy, việc ông P có hành vi xây dựng 02 trụ cổng và tường rào trên phần đường giao thông do UBND xã T quản lý là vi phạm Điều 12 Luật Đất đai năm 2013. Sau khi phát hiện vi phạm, UBND xã T đã nhiều lần ra văn bản thông báo, nhắc nhở hộ gia đình ông P, tuy nhiên đến ngày 15/3/2024, hộ ông P vẫn tiếp tục xây dựng 02 trụ cổng và tường rào, Tổ tuyên truyền xử lý vi phạm của xã xuống hiện trường yêu cầu hộ ông P dừng ngay việc vi phạm và phải tự tháo dỡ 02 trụ cổng và tường rào, nhưng ông P không đồng ý, do vậy Tổ tuyên truyền xử lý vi phạm đã lập biên bản hiện trạng yêu cầu hộ ông P dừng việc xây dựng và tháo dỡ phần đã xây trên đất công nhưng hộ ông P không chấp hành. Cùng ngày UBND xã T lập Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC đối với ông Nguyễn Như P. Ông P có mặt nhưng không ký vào Biên bản vi phạm hành chính, có 2 người là ông Vũ Thạch T6 và ông Vũ Hữu H1 (Trưởng xóm Đ) chứng kiến và Đại diện UBND xã T ký xác nhận là đúng quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Sau khi xem xét hành vi vi phạm của

ông P; căn cứ vào Điều 206, Điều 208 Luật Đất đai năm 2013; Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 118/2021 ngày 23/12/2021 và Nghị định số 100/2019 ngày 30/12/2019 của Chính Phủ; Biên bản số 04/BB-VPHC ngày 15/3/2024, Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định số 62 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông P là đúng quy định của pháp luật. Bà T cho rằng quyết định xử phạt không đúng diện tích hiện trạng là không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông P, bà T là có căn cứ.

Ngoài ra, bà T cho rằng còn nhiều hộ dân sử dụng đất lấn chiếm giống gia đình bà nhưng không bị xử phạt hành chính mà Chủ tịch UBND xã T chỉ xử phạt đối với gia đình bà là không đúng: Hội đồng xét xử thấy rằng, nội dung này không thuộc phạm vi giải quyết vụ án hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà T có quyền làm đơn đề nghị UBND xã T (nay là Thị trấn C) xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

[2.2] Đối với yêu cầu buộc Chủ tịch UBND xã T phải xin lỗi công khai trên phương tiện thông tin đại chúng: Nội dung khởi kiện này của người khởi kiện không thuộc phạm vi giải quyết vụ án hành chính nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của bà T là đúng quy định.

[2.3] Đối với yêu cầu huỷ Quyết định số 73/QĐ-CCXP ngày 15/4/2024 của Chủ tịch UBND xã T: Quyết định số 62/QĐ-XPVPHC đã nêu rõ về thời gian để ông P thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả, tuy nhiên hết thời hạn này ông P vẫn không tự tháo dỡ trụ cổng, tường rào xây dựng trái phép, mặc dù đã được Chủ tịch UBND xã T đã ban hành thông báo đôn đốc vào các ngày 01/4/2024, 05/4/2024, 09/4/2024. Ngày 15/4/2024, Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định số 73/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Như P là phù hợp với quy định tại các Điều 28, 29, Điều 70, Điều 85, Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi bổ sung năm 2020); Điều 33 Nghị định số 166/2013 ngày 12/11/2013 của Chính Phủ đề. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông P, bà T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Đối với các yêu cầu của người khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Chủ tịch UBND xã T và các cấp hữu quan phải có công văn khắc phục hậu quả bằng văn bản để tạo điều kiện cho gia đình ông P có lối đi riêng nơi sinh sống trên thửa đất số 50, tờ bản đồ số 21, diện tích 352,6m² cụ thể là phải để ông P làm lại tường rào và hai trụ cổng, và cột điện, cổng khoá để đảm bảo an ninh trong lối đi riêng của gia đình và ổn định sản xuất: Nội dung khởi kiện này của người khởi kiện không thuộc phạm vi giải quyết vụ án hành chính nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2.5] Đối với yêu cầu của người khởi kiện đề nghị Tòa án có văn bản, Bản

án gửi đến các cấp thẩm quyền của Đảng và Nhà nước để xử lý những vi phạm nghiêm trọng đối với những điều Đảng viên không được làm của Chủ tịch UBND xã T và những cá nhân có liên quan.

Căn cứ quy định tại Điều 196 của Luật Tổ tụng hành chính, trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật thì ngoài việc Tòa án phải cấp, gửi bản án đã có hiệu lực pháp luật cho các đương sự, cho Viện kiểm sát cùng cấp, cho cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp thì Tòa án còn phải gửi đến cơ quan cấp trên trực tiếp của người bị kiện là UBND huyện C Luật Tổ tụng hành chính không quy định Tòa án phải có văn bản đề nghị, gửi bản án đến các cấp thẩm quyền của Đảng và Nhà nước để xử lý những vi phạm nghiêm trọng đối với những điều Đảng viên không được làm của Chủ tịch UBND cấp xã. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của người khởi kiện là có căn cứ.

[2.7] Đối với các yêu cầu khởi kiện buộc Chủ tịch UBND xã T phải tự mình khắc phục hậu quả: Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện tự nguyện xin rút yêu cầu này, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết là đúng quy định.

[2.8] Ngoài ra, tại Đơn trình bày yêu cầu bổ sung tình tiết vụ án và tại phiên tòa, bà T có nêu một số sai sót về chính tả ghi trong Bản án sơ thẩm nhưng những sai sót này không làm thay đổi nội dung vụ án. Tuy nhiên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2.9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận các nội dung kháng cáo nêu trên của ông Nguyễn Như P và bà Nghiêm Thị T.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Như P, bà Nghiêm Thị T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 229, khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; Luật phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Như P và bà Nghiêm Thị T về các nội dung sau:

- Tuyên bố hành vi phá 2 trụ cổng (45cm*45cm*3m) và tường rào (dài 3m, cao 2,5m) của Chủ tịch UBND xã T đối với gia đình ông Nguyễn Như P xảy ra

ngày 12/12/2023 là trái pháp luật.

- Yêu cầu Chủ tịch UBND xã T phải bồi thường cho ông bà thiệt hại giá trị 2 trụ cổng, tường rào đã bị phá tổng là 13.300.000đồng.

2. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Như P và bà Nghiêm Thị T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương về các nội dung sau:

2.1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của người khởi kiện về các nội dung sau:

- Buộc Chủ tịch UBND xã T phải xin lỗi công khai trên thông tin đại chúng do không thuộc thẩm quyền.

- Buộc Chủ tịch UBND xã T phải tự mình khắc phục hậu quả.

- Yêu cầu Chủ tịch UBND xã T và các cấp hữu quan phải có công văn khắc phục hậu quả bằng văn bản để tạo điều kiện cho gia đình ông P có lối đi riêng nơi sinh sống trên thửa đất số 50, tờ bản đồ số 21, diện tích 352,6m² cụ thể là phải để ông P làm lại tường rào và hai trụ cổng, và cột điện, cổng khoá để đảm bảo an ninh trong lối đi riêng của gia đình và ổn định sản xuất, vì không thuộc thẩm quyền.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu “*và những cá nhân liên quan*”.

2.2. Bác các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Như P và bà Nghiêm Thị T về các nội dung sau:

- Huỷ Quyết định số 62/QĐ-XPHC ngày 19/03/2024 của Chủ tịch UBND xã T về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

- Huỷ Quyết định số 73/QĐ-CCXP ngày 15/4/2024 của Chủ tịch UBND xã T về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với hộ ông Nguyễn Như P - thôn T.

- Yêu cầu Toà án có văn bản đề nghị, Bản án gửi đến các cấp thẩm quyền của Đảng và Nhà nước để xử lý những vi phạm nghiêm trọng đối với những điều Đảng viên không được làm của Chủ tịch UBND xã T.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Như P, bà Nghiêm Thị T, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007268 ngày 17/10/2024 và Biên lai thu tiền số 0007269 ngày 17/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng . Ông P, bà T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (20/02/2025)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Cẩm Giàng;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Các đương sự;
- Chủ tịch UBND huyện Cẩm Giàng;
- Lưu hồ sơ, lưu VP, lưu THC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa